TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 6 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Nguyên Hồng
2. Ông Phùng Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3, ngày 17 tháng 4, ngày 24 và ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 68/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1973, có mặt;
- *Bị đơn:* Ông Lê Công K, sinh năm: 1958, vắng mặt;

Các đương sự cùng trú tại: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Ngọc C, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn Ch sinh năm 1963 (tên gọi khác Nguyễn Văn Th), và vợ là bà Lê Thị Kim Đ sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn TM, xã TĐ, huyện PT, TP Hà Nội. Vắng mặt;

3. Hội đồng hương HN tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1944. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt;

4. Hội đồng hương huyện PT, HN tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Công T, địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt;

5. Bà Dương Thị H1, địa chỉ: Tiểu khu E, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt;

6. Ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Tiểu khu D, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt;

7. Bà Phạm Thị L1, địa chỉ: Tiểu khu F, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năn 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày như sau:

Bà và ông Lê Công K kết hôn với nhau vào năm 2005, do cả hai bên tự tìm hiểu tự nguyện đến với nhau không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Ông bà không được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn được 5 năm thì hai vợ chồng nảy sinh ra mâu thuẫn không hạnh phúc với lý do ông K chơi bời, không tu trí làm ăn và không quan tâm đến gia đình và vợ con. Từ thời điểm sảy ra mâu thuẫn vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn tình cảm. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải can thiệp nhưng không thành. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Lê Thị Hồng Ng sinh ngày 08/5/2007 và cháu Lê Công Tuấn A sinh ngày 17/6/2010. Nguyện vọng của bà là sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung: Gồm các đồ vật dụng trong gia đình, phương tiện đi lại là xe máy đã phân chia xong không đề nghị Tòa giải quyết. Các bất động sản ông bà sử dụng trong thời kỳ hôn nhân gồm: 3 thổ đất, trong đó có 2 thổ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 1 thổ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà xây cấp 4 và 1 kho gỗ 5 gian lợp blu. Toàn bộ tài sản này do bà và chồng cũ bà tạo dựng trước khi bà lấy ông K, là tài sản riêng của bà.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP AB - chi nhánh MS 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng tiền gốc); Nợ hội đồng hương HT tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La 20.000.000đ; Nợ vợ chồng ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị T (Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) số tiền 50.000.000đ; Nợ ông Đỗ Ngọc C (Tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) tiền mua xe máy 36.000.000đ; Nợ bà Dương Thị H (Tiểu khu D, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) số tiền 26.600.000đ, nợ Hội đồng hương HN tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La 10.000.000đ; Nợ vợ chồng L, H 6.000.000đ tiền hàng tạp hóa. Nợ vợ chồng ông bà Q, H (tiểu khu A, xã NB, huyện MS) số tiền hơn 800.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2017 và toàn bộ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công K trình bày như sau:

Ông và bà H kết hôn với nhau từ năm 2005, ông bà tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc làm ăn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề kinh tế. Nay bà H xin ly hôn thì ông cũng nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Ông xác nhận ông bà có hai con chung là cháu Lê Thị Hồng Ng sinh ngày 08/5/2007 và cháu Lê Công Tuấn A sinh ngày 17/6/2010 như bà H trình bày. Nguyện vọng của ông là khi ly hôn các cháu muốn ở với ai thì theo ý nguyện của các cháu. Nếu ở với ông thì ông không yêu cầu bà H phải đóng góp gì.

Về tài sản chung gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda; 01 kho xây dựng trong khu vực Nà Bó nằm trên đất (là tài sản riêng của bà Hải) có chiều rộng khoảng 15m, dài khoảng 25m xây dựng khoảng hết 400.000.000đ; 03 sào ruộng mua của mẹ bà H ở Hà Nam; 01 nhà 3 tầng trên diện tích đất rộng khoảng 10m, sâu vào 40m và dãy nhà trọ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Công K và Lê Thị Ngọc H địa chỉ tại kiểu khu A, thị trấn HL; 01 nhà cấp 4 cùng ở tiểu khu A, thị trấn HL chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng AB – phòng giao dịch huyện MS số tiền 650.000.000đ; Nợ số tiền cô Lê Minh Đ (em gái ông) đưa cho bà H 80.000.000đ để góp vốn làm ăn; Nợ Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL 21.000.000đ; Nợ tiền hàng tạp hóa 6.000.000đ. Còn các khoản khác bà H kê ra ông không biết, đó không phải là nợ chung của vợ chồng. Số nợ nhà ông bà Q, H là tiền vay trả ngân hàng và tiền mua ngô giống đã được bà H bán nhà đất để trả nợ cho ông bà Q, H, nên đến thời điểm hiện tại không còn nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện MS đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La), lấy lời khai của con chung của ông K, bà H về nguyện vọng ở với ai sau khi ly hôn. Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vu án. Yêu cầu các đương sự cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình....

Tại đơn yêu cầu độc lập, đại diện Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, ông Vũ Xuân Đ trình bày:

Bà Lê Thị Ngọc H là thành viên của Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL. Để duy trì hoạt động thì Hội có thống nhất mỗi thành viên tham gia hội sẽ góp quỹ ban đầu là 50.000đ và cho Hội vay 500.000đ để lập quỹ hoạt động. Quỹ được sử dụng để duy trì các hoạt động thăm hỏi, hiếu hủy cũng như các buổi gặp mặt Hội. Ngoài ra còn sử dụng cho các hội viên có hoàn cảnh khó khăn trong Hội vay lại và có tính lãi. Ngày 15/02/2014, bà H có đề nghị Hội cho vay số tiền mặt là 10.000.000đ, theo bà H trình bày là để cho con đi học tại Hà Nội. Chính bà là người viết giấy vay tiền. Lãi suất vay là 1%/1 tháng. Bà H vẫn trả lãi được hết quý 2/2015. Từ đó đến nay, bà H chưa trả được số tiền lãi nào thêm và tiền gốc cũng chưa trả được Hội. Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho Hội toàn bộ số tiền gốc đã vay của Hội từ năm 2014 là 10.000.000đ và tiền lãi tính từ quý 3/2015 cho đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP AB đã có yêu cầu khởi kiện đối với ông K, bà H về việc thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Ông K, bà H đồng ý với nội dung khởi kiện này và đồng thời đều có ý kiến tách phần tài sản chung là nhà đất được ông bà thế chấp khi vay tín dụng tại Ngân hàng AB để giải quyết trong một vụ án khác sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân huyện MS đã tách yêu cầu của Ngân hàng TMCP AB đối với vợ chồng ông Lê Công K bà Lê Thị Ngọc H để thụ lý giải quyết tại một vụ án khác.

Đồng thời Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau phiên xét xử ngày 17/4/2019, Tòa án nhân dân huyện MS đã tiến hành tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ như: lấy lời khai của người liên quan, xem xét, thẩm định tại chỗi đối với phần diện tích đất ông K có đề nghị xác định là tài sản chung của vợ chồng là mảnh đất ruộng ở Hà Nam có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của mẹ đẻ chị H. Tuy nhiên, trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, và ý kiến của ông K tại biên bản làm việc ngày 26/6/2019, ông K đã thay đổi yêu cầu: không tranh chấp với bà H về phần đất ruộng mua của mẹ đẻ bà H và phần tài sản là đất và ngôi nhà cấp 4 ở tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của bà Công Minh Th. Ông xác định đây là tài sản riêng của bà H. Ý kiến của bà H tại phiên tòa và của ông K tại biên bản làm việc ngày 26/6/2019 đều xác nhận phần tài sản là đồ dùng sinh hoạt gia đình ông bà đã tự phân chia không yêu cầu tòa giải quyết. Khoản nợ hơn 800.000.000đ vay của vợ chồng nhà Q, H là nợ chung của vợ chồng đã được bà H bán nhà kho và đất ở tiểu khu A, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La để trả nợ. Nay ông bà thống nhất không tranh chấp về khoản nợ này.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 59, 60, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Lê Công K.

Về con chung: Giao cả hai cháu Lê Thị Hồng Ng và cháu Lê Công T. Anh cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng và Tuấn A trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung:

Các vật dụng đồ dùng gia đình, phương tiện đi lại, ông bà đã phân chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tách phần giải quyết tranh chấp quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà và đất tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Công K và Lê Thị Ngọc H để giải quyết trong vụ án khác sau khi ông K, bà H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần AB nếu ông bà có tranh chấp và đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Xác định nhà đất tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có nguồn gốc do bà Lê Thị Ngọc H nhận chuyển nhượng lại của ông Lê Công K và bà Công Minh T là tài sản riêng của bà Lê Thị Ngọc H.

Về nợ chung: Ông K có trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ bà Lê Minh Đ 80.000.000đ và khoản nợ Hội đồng Hương Hà Nam 20.000.000đ cùng lãi phát sinh theo thỏa thuận tương ứng đến thời điểm trả nợ.

Bà H có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Tiền hàng tạp hóa của vợ chồng L, H 6.000.000đ; Nợ bà T 50.000.000đ; Nợ ông C 36.000.000đ,

Về nợ riêng: Xác định khoản nợ nợ bà H 26.600.000đ, nợ Hội đồng hương Hà Nam 10.000.000đ là nợ riêng của bà H. Bà H phải có trách nhiệm trả cho bà H1 và Hội đồng hương Hà Nam.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, có tranh chấp với nhau về vấn đề ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Nên Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có đơn yêu cầu độc lập đề nghị tòa án yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả số nợ gốc 10.000.000đ và lãi phát sinh theo thỏa thuận. Hội

đồng hương Hà Nam đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, Tòa án đã tiến hành thụ lý yêu cầu độc lập của Hội đồng hương Hà Nam và xác định Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL, huyện MS là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đối với Hội đồng Hương Phúc Thọ tại thị trấn HL, ông Đỗ Ngọc C, ông Lê Văn L cùng vợ là Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị L, bà Dương Thị H1, bà Lê Minh Đ cùng chồng là Nguyễn Văn Th là những người theo bà H và ông K xác định có nợ họ. Ông H, bà K có tranh chấp về việc thỏa thuận trả nợ cho những người trên nên Tòa án xác định và triệu tập tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với ông Q, bà H1 trong quá trình giải quyết Tòa án có triệu tập tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản chung và nợ chung của ông K, bà H. Tuy nhiên, ý kiến của bà H tại phiên tòa, ý kiến của ông K tại biên bản làm việc ngày 26/6/2019 đã thống nhất khoản nợ chung của ông K, bà H đối với ông Q, bà H1 đã được bà H sử dụng phần nhà đất ở tiểu khu A, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La để trả cho ông Q, bà H. Ông bà không còn tranh chấp về nội dung này. Ông Q, bà H tại biên bản lấy lời khai ngày 27/9/2018 cũng xác nhận nội dung trên. Ông Q, bà H1 không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về khoản nợ này. Các bên cũng không cung cấp cho Tòa án giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông Q, bà H, không đề nghị Tòa án xem xét tính pháp lý của văn bản trên. Do vậy, tòa án không xem xét, giải quyết đến khoản nợ này và nhà đất ở tiểu khu A, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La được ông bà kê khai. Không đưa ông Q, bà H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP AB 650.000.000 đ, Ngân hàng AB đã có yêu cầu là làm đơn khởi kiện ông K, bà H về việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các bên. Ông K, bà H đồng ý với nội dung khởi kiện này và đồng thời đều có ý kiến tách phần tài sản chung là nhà đất được ông bà thế chấp khi vay tín dụng tại Ngân hàng AB để giải quyết trong một vụ án khác sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân huyện MS đã tách yêu cầu của Ngân hàng TMCP AB đối với vợ chồng ông Lê Công K bà Lê Thị Ngọc H để thụ lý giải quyết tại một vụ án khác.

Ông Lê Công K được Tòa án triệu tập hợp lệ và có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Lê Công K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2005, ông bà đã được UBND xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2005. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn

theo quy định của pháp luật. Do đó ông bà là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn được cả ông bà xác nhận là do ông bà bất đồng, không thống nhất được với nhau về vấn đề kinh tế, việc làm ăn thua lỗ. Bà H cho rằng ông K quá chơi bời, không tu trí làm ăn và không quan tâm đến gia đình và vợ con. Ông K nhiều lần có ý kiến nguyện vọng không muốn ly hôn, mong muốn được quay về đoàn tụ gia đình. Nhưng nếu bà H đã cương quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều buổi hòa giải cho ông bà quay về đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn bà H, ông K chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, Từ năm 2016 đến nay, ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Ông K mặc dù không muốn ly hôn nhưng không có cách nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông K.

[2.2] Về con chung:

Ông Lê Công K và bà Lê Thị Ngọc H có hai con chung là cháu Lê Thị Hồng Ng sinh ngày 08/5/2007 và cháu Lê Công Tuấn A sinh ngày 17/6/2010. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/6/2019 của ông K và ý kiến của bà H tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông K và bà H đều nhất trí tôn trọng nguyện vọng của các con. Ông K chấp nhận việc các con mong muốn được ở với bà H. Ông đồng ý để bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ng và cháu Tuấn A cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà H tại phiên tòa không có yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi ông K và bà H sống ly thân (từ năm 2016 đến nay), bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Ng và Tuấn A vẫn bảo đảm tốt cuộc sống cho các cháu, ông K không có trách nhiệm cùng bà chăm sóc các con. Do vậy căn cứ vào nguyện vọng của các cháu Ng, Tuấn A, ý kiến thống nhất của ông K, bà H và quá trình chăm sóc nuôi dưỡng của bà H đối với cháu Ng và Tuấn A, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Thị Hồng Ng và cháu Lê Công Tuấn A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H do bà H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung:

Về các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, phương tiện đi lại như xe máy: Tại biên bản ghi ý kiến của ông K ngày 26/6/2019 và ý kiến của bà H tại phiên tòa ông bà đều thống nhất ông bà đã phân chia xong, không có tranh chấp và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với quyền sử dụng đất:

Tại biên bản ghi ý kiến của ông K ngày 26/6/2019 và ý kiến của bà H tại phiên tòa thống nhất xác định: Tài sản chung là quyền sử dụng nhà đất của ông bà gồm 01 ngôi nhà xây 3 tầng, 1 dãy phòng trọ và các công trình phụ trên diện tích đất 376m2 tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Công K và Lê Thị Ngọc H do UBND huyện MS cấp từ năm 2008. Toàn bộ khối tài sản này ông bà đang thế chấp tại Ngân hàng AB, chi nhánh huyện MS để vay vốn làm ăn. Hiện chưa trả được nợ và Ngân hàng đang khởi kiện tại Tòa án huyện MS yêu cầu giải quyết. Ông bà nhất trí với việc khởi kiện của Ngân hàng và thống nhất không đề nghị tòa án xem xét giải quyết phân chia tài sản chung cho ông bà trong vụ án này. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng AB, nếu có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Cần chấp nhận.

Đối với quyền sử dụng đất và ngôi nhà gỗ 3 gian ở tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại của bà Công Minh Th. Tại văn bản ghi ý kiến ngày 26/6/2019, ông Lê Công K xác định không còn tranh chấp với bà H về tài sản này, đồng ý xác định đây là tài sản riêng của bà H. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là tài sản chung của vợ chồng để phân chia.

[2.4] Về nợ chung:

Tất cả các khoản nợ ông K, bà H kê khai đều là những khoản nợ do ông K, bà H tự đứng ra để ký kết, vay riêng. Các khoản nợ được các bên thừa nhận là nợ chung và có căn cứ xác định được sử dụng vào mục đích chung của gia đình sẽ được xác nhận là nợ chung của vợ chồng gồm:

- Nợ Hội đồng hương Phúc Thọ tại thị trấn HL số tiền gốc 20.000.000đ;
- Nợ tiền hàng cắm tạp hóa nhà bà Phạm Thị L là 5.074.000đ;
- Nợ vợ chồng bà Lê Minh Đ 80.000.000đ (tiền góp vốn làm ăn);
- Nợ ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T tiền chuộc xe máy 50.000.000đ;
- Nợ ông Đào Ngọc C tiền mua xe máy 36.000.000đ.

Căn cứ vào ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của ông Lê Công K tại văn bản ngày 26/6/2019 xác định trách nhiệm trả nợ của ông K, bà H như sau:

Ông Lê Công K có trách nhiệm trả cho Hội đồng Hương PT tại thị trấn HL số tiền gốc 20.000.000đ, trả vợ chồng bà Lê Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th số tiền gốc 80.000.000đ. cùng lãi phát sinh tương ứng (nếu có).

Bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm trả: Nợ tiền hàng cắm tạp hóa nhà bà Phạm Thị L là 5.074.000đ; Nợ ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T 50.000.000đ; Nợ ông Đào Ngọc C tiền mua xe máy 36.000.000đ.

Các khoản nợ khác gồm: Nợ Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL số tiền 10.000.000đ, nợ bà Dương Thị H1 26.600.000đ: Các khoản nợ này do bà H trực tiếp đứng ra vay, không chứng minh được mục đích vay để sử dụng chung cho gia đình. Nên Tòa án không có căn cứ để xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông bà. Xác định là nợ riêng của bà H nên bà H phải có trách nhiệm trả.

Đối với yêu cầu độc lập của Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL. Như phân tích ở trên, khoản nợ này do bà H trực tiếp đứng ra vay, vay với tư cách là

thành viên của Hội, quá trình vay và trả tiền vay Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL cũng không làm việc trực tiếp với ông Kiên. Bà H không chứng minh được mục đích vay số tiền trên để làm gì nên xác định là nợ riêng của bà H. Theo thỏa thuận của các bên khi nay tiền, bà H phải có trách nhiệm trả cho Hội đồng hương Hà Nam số tiền gốc 10.000.000đ và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận từ tháng 7/2015 đến thời điểm xét xử là: 4.7000.000đ.

[2.5] Về án phí, lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu là 1.000.000 đồng đã nộp tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; 59; 60; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26; điểm a, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc H đối với ông Lê Công K.

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Công K.

Về con chung: Giao cả hai cháu Lê Thị Hồng Ng sinh ngày 08/5/2007 và cháu Lê Công Tuấn A sinh ngày 17/6/2010 cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng và Tuấn A trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu khác. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung:

Các vật dụng đồ dùng gia đình, phương tiện đi lại, ông bà đã phân chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tách phần giải quyết về tài sản chung của vợ chồng ông K và bà H là quyền sử dụng nhà đất gồm 01 ngôi nhà xây 3 tầng, 1 dãy phòng trọ và các công trình phụ trên diện tích đất 376m^2 tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Công K và Lê Thị Ngọc H do UBND huyện MS cấp từ năm 2008 để giải quyết trong vụ án khác sau khi ông K, bà H thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần AB nếu ông bà có tranh chấp và đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Xác định nhà đất tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có nguồn gốc do bà Lê Thị Ngọc H nhận chuyển nhượng lại của ông Lê Công K và bà Công Minh Th là tài sản riêng của bà Lê Thị Ngọc H.

Về nợ chung:

Tách phần giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng ông Lê Công K và bà Lê Thị Ngọc H đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần AB, chi nhánh MS số

tiền gốc 650.000.000đ và lãi phát sinh tương ứng để giải quyết ở một vụ án khác do Ngân hàng Thương mại cổ phần AB có yêu cầu.

Các khoản nợ chung khác của của vợ chồng được phân chia trách nhiệm trả nợ như sau:

Ông Lê Công K có trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Trả cho bà Lê Minh Đ, ông Nguyễn Văn Th số tiền 80.000.000đ và trả khoản nợ Hội đồng hương Phúc Thọ tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La do ông Đinh Công T làm đại diện số tiền 20.000.000đ cùng lãi phát sinh theo thỏa thuận tương ứng đến thời điểm trả nợ.

Bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ tiền hàng cắm tạp hóa nhà bà Phạm Thị L là 5.074.000đ; Nợ ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị T 50.000.000đ; Nợ ông Đào Ngọc C tiền mua xe máy 36.000.000đ.

Về nợ riêng: Bà H phải có trách nhiệm trả cho bà H1 số tiền 26.000.000đ; trả cho Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La số tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm xét xử là 14.700.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Lê Thị Ngọc H) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án đối với khoản tiên nợ Hội đồng Hương Hà Nam tại thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La do ông Vũ Xuân Đ làm đại diện theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Về án phí:

Ông Lê Công K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng phải thực hiện là 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

Bà H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ và án phí về dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng phải thực hiện là: 4.550.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được tòa án chấp nhận là 735.000đ. Tổng án phí bà H phải nộp là 5.585.000đ (năm triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS theo biên lai số AA/2013/03563. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 5.285.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Hội đồng hương Hà Nam tại thị trấn HL – đại diện là ông Vũ Xuân Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số AA/2016/0001865 ngày 30/8/2018.

Về lệ phí Tòa án: Bà H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án là 1.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã HL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga